TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 529/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng C, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp A, xã B , huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp A, xã B , huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C trình bày như sau: Chị C yêu cầu ly hôn với anh P; Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng

thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị C không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Hồng C và anh Trần Thanh P thống nhất trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị C và anh P cưới nhau vào năm 1999, hôn nhân do quen biết trước, được cha mẹ hai đồng ý, có tổ chức đám cưới đàng hoàng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Thời hạnh phúc của vợ chồng được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Về con chung: Chị C và anh P thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013. Hiện đang cháu N và cháu V đang sống chung với chị C. Con riêng, con nuôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mất hạnh phúc theo lời trình bày của chị C do anh P có người phụ nữ khác bên ngoài không quan tâm chăm sóc vợ con, chị C nhiều lần tha thứ khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi mà vẫn quan hệ với người phụ nữ đó. Đến tháng 5 năm 2018 chị C lên thành phố Hồ Chí Minh đi làm và cũng từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P trình bày là anh P thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng anh P đã thay đổi quay về làm ăn, anh P có đến gặp chị C để vợ chồng hàn gắn mong chị C tha thứ về đoàn tụ nhưng chị C không đồng ý nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay không trở về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn giữ yêu cầu ly với anh P; Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị C không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh P yêu cầu được đoàn tụ với chị C để vợ chồng về lo cho các con. Nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh P yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dụng vụ án: Tại phiên tòa chị C giữ yêu cầu ly với anh Trần Thanh P; Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh P giữ yêu cầu được đoàn tụ với chị C để vợ chồng về lo cho các con. Nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh P yêu cầu nuôi con là cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1] Xét về hôn nhân: Khi chị C và anh P cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, việc chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị C là do anh P có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù chị C đã tha thứ nhiều lần nhưng anh P không thay đổi, lâu dần chị C không thể chịu đựng được nên vào tháng 05 năm 2018 chị C bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm cho đến nay vợ chồng không thể hàn gắn được. Hơn nữa, chị C xác định hiện tại đã không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên cương quyết ly hôn.

Về phía anh P cũng thừa nhận là anh P có qua lại với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng hiện tại anh P đã biết lỗi lầm và đã quay về nhà chí thú làm ăn,

cố gắng bù đắp tình cảm vợ chồng đối với chị C mong muốn chị C tha thứ để về cùng nuôi dạy các con nhưng chị C vẫn không đồng ý về đoàn tụ.

Từ những lời trình bày của chị C và anh P cho thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh P chưa chung thủy với chị C, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của người chồng trong gia đình, người cha mẫu mực đối với các con. Hơn thế nữa, anh P cũng thừa nhận anh P có mối quan hệ với người phụ nữa khác bên ngoài làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Mặc khác, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, cả hai đã không cố gắng thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng anh chị vẫn không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cũng tại phiên tòa hôm nay chị C cho rằng không còn tình cảm vợ chồng đối với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng C với anh Trần Thanh P theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

Cho chị Nguyễn Hồng C được ly hôn với anh Trần Thanh P

[2.2] Xét về con chung: Tại phiên tòa chị C giữ yêu cầu nuôi cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cháu Thảo V đang do chị C chăm sóc. Riêng Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con của cả chị C và anh P thì cả anh chị đều có đủ khả năng để thực hiện tốt điều đó.

Hơn nữa cháu Thảo V là bé gái đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý và thể chất rất cần sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Điều quan trọng hiện nay cháu Thảo V đang sống với chị C, đã quen với sự chăm sóc của người mẹ. Từ những cơ sở đó để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt thể chất, tinh thần của cháu Thảo V tránh làm xáo trộn về tâm sinh lý của cháu khi thay đổi chỗ ở, trường học và môi trường sống. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị C là có căn cứ. Do vậy tiếp tục giao cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về Con riêng, con nuôi chị C và anh P thống nhất trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Thảo V, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị C và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị C và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Hồng C phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011437, ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng C;

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng C được ly hôn với anh Trần Thanh P;

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2013 cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Riêng cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 30/9/2000 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng C và anh Trần Thanh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng C và anh Trần Thanh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Hồng C phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011437, ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- UBND xã Phú Lộc: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương